

Số: /TTr-BTP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

TỜ TRÌNH

Dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026, Bộ Tư pháp kính trình Chính phủ dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

Thời gian qua, các chủ trương, đường lối của Đảng đã luôn xác định đầy đủ và nhất quán về vị trí, vai trò của công tác hòa giải ở cơ sở, xem đây là phương thức giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp hiệu quả, góp phần phát huy dân chủ ở cơ sở, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội tại cơ sở.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm giai đoạn 2021-2030 tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp “*Phát huy đúng vai trò giám sát, phản biện xã hội, các hình thức tự quản của cộng đồng, các phương thức hòa giải cấp cơ sở*”.

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định “*Nâng cao hiệu quả các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án*” (trong đó có hòa giải ở cơ sở) là một trong những giải pháp nhằm tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Tiếp đó, Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng cũng xác định nhiệm vụ “*Hình thành các mô hình “tự quản - tự chủ - tự giám sát” ở cộng đồng dân cư, gắn kết chặt chẽ giữa chính quyền và Nhân dân, thực hành phát huy dân chủ tại cơ sở*”. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (Nghị quyết số 27-NQ/TW) đã đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “*Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực để xã hội hóa và phát triển các lĩnh vực công chúng, hòa giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp; xây dựng đội ngũ hành*

nghề công chứng, hòa giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng, hoạt động chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội". Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục phát huy truyền thống, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước ta ngày càng phồn vinh, hạnh phúc khẳng định một trong những nhiệm vụ, giải pháp đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; đẩy mạnh công tác vận động quần chúng, huy động mọi nguồn lực cho phát triển đất nước là *"Nâng cao hiệu quả thực hiện dân chủ ở cơ sở, hoà giải, giám sát của Nhân dân tại cộng đồng. Chú trọng bồi dưỡng, hướng dẫn, phát huy vai trò của người có uy tín trong cộng đồng"*. Đặc biệt, ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (Nghị quyết số 66-NQ/TW), trong đó tiếp tục khẳng định yêu cầu kết hợp hài hòa giữa các phương thức tổ tụng tư pháp và phi tổ tụng tư pháp trong bảo đảm quyền con người, quyền công dân, trong đó có công tác hòa giải ở cơ sở. Nghị quyết đặt ra yêu cầu: *Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa*". Bên cạnh đó, Nghị quyết số 66-NQ/TW cũng đề ra chủ trương: *"Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật"*. Để thực hiện chủ trương này hòa giải cơ sở là một trong những thiết chế quan trọng tại cơ sở góp phần xây dựng văn hóa pháp lý. Các Nghị quyết về phát triển văn hóa¹; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số² được ban hành và triển khai trong thời gian qua cũng có những tác động, yêu cầu phải đổi mới công tác hòa giải ở cơ sở.

Ngày 10/3/2026, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 09-KL/TW về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Kết luận số 09-KL/TW yêu cầu *"các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ giữa các chủ thể là các cá nhân, tổ chức không mang quyền lực nhà nước (quy phạm pháp luật tư) được thiết kế theo hướng chủ yếu đặt ra khung pháp lý mang tính nguyên tắc; các nội dung cụ thể để các chủ thể tự thỏa thuận trên cơ sở nhu cầu, lợi ích, quyền tự định đoạt, tự chịu trách nhiệm của mình trên tinh thần không vi phạm điều cấm của luật, phát huy tính năng động, sáng tạo của người dân, doanh nghiệp, tạo động lực quan trọng để huy động mọi nguồn lực, khơi dậy mọi tiềm năng phục vụ phát triển đất nước"*. Định hướng này phù hợp với bản chất của hòa giải

¹ Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam đề ra nhiệm vụ: *"Xây dựng môi trường văn hoá nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại; nêu cao văn hoá thượng tôn pháp luật từ gia đình, nhà trường, đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội trên nền tảng đạo đức, luật pháp, chuẩn mực xã hội và giá trị truyền thống, tinh thần đoàn kết, sẻ chia, tương thân, tương ái, trách nhiệm xã hội"*.

² Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

ở cơ sở là giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận, quyền tự định đoạt của các bên có mâu thuẫn, tranh chấp. Việc hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở cần bảo đảm tính linh hoạt, tạo điều kiện để hòa giải viên vận dụng phù hợp các yếu tố xã hội như phong tục, tập quán, lễ công bằng trong quá trình hòa giải, đồng thời bảo đảm không trái quy định của pháp luật.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp theo các kết luận của Bộ Chính trị³, việc hoàn thiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở cần được thực hiện đồng bộ, phù hợp với tổ chức bộ máy mới.

b) Cơ sở pháp lý

Hiến pháp năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 203/2025/QH15) quy định: “*Công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân*” (Điều 28); “*Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng*” (Điều 46).

Trong thời gian qua, một số luật được ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung trong đó quy định khuyến khích sử dụng biện pháp hòa giải trước khi áp dụng các biện pháp tư pháp chính thống như Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025)⁴, Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015⁵, Luật Đất đai năm 2024⁶, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014⁷, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022⁸, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023⁹, Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024¹⁰... Các quy định mới về vận hành chính

³ Kết luận số 130-KL/TW ngày 14/3/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, Kết luận số 230-KL/TW ngày 05/01/2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tinh gọn các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ và Đề án đánh giá mô hình hoạt động của Liên minh hợp tác xã Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

⁴ Khoản 3 Điều 29 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định một trong những căn cứ miễn trách nhiệm hình sự trong một số trường hợp là người bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của người bị hại tự nguyện hòa giải.

⁵ Quy định thủ tục công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án tại Chương XXXIII.

⁶ Khoản 1 Điều 235 Luật Đất đai năm 2024: “*Nhà nước khuyến khích các bên tranh chấp đất đai tự hòa giải, hòa giải ở cơ sở theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở...*”

⁷ Điều 52 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nhà nước và xã hội khuyến khích việc hòa giải ở cơ sở khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn. Việc hòa giải được thực hiện theo quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở*”.

⁸ Khoản 3 Điều 18 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định: “*Tổ hòa giải ở cơ sở có trách nhiệm hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp và vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở*”.

⁹ Khoản 1 Điều 63 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 quy định: *Tổ chức hòa giải tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh bao gồm: “b) Tổ chức hòa giải theo quy định của pháp luật về hòa giải thương mại, pháp luật về hòa giải tại cơ sở, pháp luật về hòa giải tại tòa án*”.

¹⁰ Khoản 3 Điều 34 Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024 quy định: “*Đẩy mạnh việc hòa giải giữa người chưa thành niên và bị hại bị ảnh hưởng bởi hành vi phạm tội của người chưa thành niên*”.

quyền địa phương 02 cấp, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo¹¹; các yêu cầu đổi mới phương thức quản trị nhà nước theo hướng hiện đại, hiệu quả, kiến tạo, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, loại bỏ tư duy “không quản được thì cấm” nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã đặt ra yêu cầu đổi mới công tác hòa giải ở cơ sở. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khoá XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước nêu rõ: *“Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật ... để xử lý các văn bản chịu sự tác động do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước, bảo đảm hoàn thành trước ngày 01 tháng 3 năm 2027”*.

Ngày 11/3/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 41/NQ-CP về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, trong đó xác định: *“Đẩy mạnh công tác hòa giải ở cơ sở gắn với phát huy vai trò tự quản của người dân”* là một trong những nhiệm vụ của Chính phủ trong xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa kiến tạo phát triển, liêm chính, hành động, phục vụ Nhân dân. Chính vì vậy, việc hoàn thiện các quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở nhằm đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác này, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật là nhiệm vụ cấp thiết nhằm đáp ứng yêu cầu của xã hội trong giai đoạn mới, góp phần thiết thực vào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Những cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên đặt ra yêu cầu phải nghiên cứu xây dựng Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng về phát huy dân chủ, tiếp tục đẩy mạnh công tác hòa giải ở cơ sở gắn với phát huy vai trò tự quản của người dân, đồng thời, bảo đảm tính thống nhất với các luật, nghị quyết có liên quan và phù hợp với yêu cầu đổi mới tư duy, kỹ thuật lập pháp hiện nay. Ngày 26/9/2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 về Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) vào tháng 8/2026 và trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ hai, Quốc hội khoá XVI (dự kiến tháng 10/2026). Tiếp đó, ngày 24/10/2025, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2352/QĐ-TTg phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2026, trong đó giao Bộ Tư pháp là cơ quan chủ trì soạn thảo dự án Luật nêu trên (trình Chính phủ vào tháng 6/2026). Ngày .../5/2026, Chính phủ

¹¹ Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025, Luật Tổ chức Chính phủ năm 2025, Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Luật An ninh mạng năm 2025, Luật Chuyển đổi số năm 2025, Luật Giao dịch điện tử năm 2023, Luật Thương mại điện tử năm 2025, Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo năm 2025...

đã ban hành Nghị quyết số/NQ-CP về chính sách của Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) làm cơ sở cho việc soạn thảo dự thảo Luật.

2. Cơ sở thực tiễn

Với vị trí, vai trò, ý nghĩa quan trọng trong giải quyết xung đột, hòa giải các mâu thuẫn trong nội bộ Nhân dân, ngày 20/6/2013, tại kỳ họp thứ 5, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII đã thông qua Luật Hoà giải ở cơ sở. Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện, vững chắc cho hoạt động hòa giải ở cơ sở đi vào nền nếp, thống nhất, hiệu quả và tiếp tục khẳng định được vị trí, vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Tính đến ngày 31/12/2025, cả nước có 85.855 tổ hòa giải, 547.235 hòa giải viên; hầu hết mỗi thôn, tổ dân phố có 01 tổ hòa giải. Trong giai đoạn 2014 - 2025, cả nước tiếp nhận 1.528.936 vụ, việc hòa giải (trung bình 127.411 vụ, việc/năm), trong đó, hòa giải thành 1.239.367/1.513.084 vụ, việc đã tiến hành hòa giải (trung bình 103.280 vụ, việc/năm), đạt tỷ lệ 81,92%¹². Thực tiễn 12 năm thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở cho thấy, ở những địa phương làm tốt công tác hòa giải cơ sở thì tình hình an ninh, trật tự được giữ vững, góp phần ngăn ngừa hành vi vi phạm pháp luật. Thông qua công tác hòa giải ở cơ sở, những tranh chấp, bất đồng phát sinh tại cơ sở đã được giải quyết kịp thời, dứt điểm; không để tranh chấp kéo dài, khó xử lý, hạn chế đáng kể tình trạng khiếu kiện ra cơ quan nhà nước, khiếu kiện vượt cấp; góp phần xây dựng khối đoàn kết cộng đồng bền vững, khẳng định vị trí, vai trò, ý nghĩa nhân văn sâu sắc của công tác hòa giải ở cơ sở trong giữ gìn, vun đắp tình làng, nghĩa xóm, xây dựng cơ sở, khu dân cư ngày càng ấm no, yên bình, hạnh phúc.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, qua hơn 12 năm thực hiện, Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

Thứ nhất, thiếu quy định về cơ chế “chỉ định hòa giải viên”, quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên ở cơ sở chưa được quy định đầy đủ

Theo quy định của pháp luật hiện hành, việc lựa chọn hòa giải viên ở cơ sở được thực hiện thông qua tổ chức bầu hòa giải viên tại thôn, tổ dân phố với trình tự, thủ tục cụ thể, chặt chẽ, bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai và minh bạch như thành lập Tổ bầu hòa giải viên, lập danh sách dự kiến những người được bầu làm hòa giải viên, niêm yết công khai danh sách bầu, tổ chức bầu hòa giải viên (bằng hình thức tổ chức cuộc họp (để biểu quyết công khai hoặc bỏ phiếu kín) hoặc phát phiếu lấy ý kiến các hộ gia đình. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy một số trường hợp không thể tổ chức bầu được do nhiều nguyên nhân, trong khi cần bổ sung ngay hòa giải viên để đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoặc đã tổ chức bầu lại, bầu bổ sung hoà giải viên nhưng vẫn không đạt đủ số lượng và thành phần theo quy định. Điều này dẫn đến trên thực tiễn đã xuất hiện cách làm mang tính “linh hoạt” khi nhiều địa

¹² Báo cáo số 301/BC-BTP ngày 04/5/2026 của Bộ Tư pháp về tổng kết việc thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

phương chủ động lựa chọn, giao nhiệm vụ hòa giải cho các chức danh có sẵn như trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, Trưởng ban công tác Mặt trận. Việc pháp luật chưa ghi nhận cơ chế chỉ định, các địa phương vẫn phải tổ chức họp dân để bầu lại hoà giải viên nhằm “hợp thức hóa” thủ tục theo quy định. Cách làm này khiến quy trình bầu hoà giải viên trở nên hình thức, thiếu thực chất, vừa tốn thời gian, nguồn lực, vừa làm giảm ý nghĩa của cơ chế dân chủ, tự quản ở cộng đồng.

Việc bổ sung quy định chỉ định hoà giải viên bảo đảm phù hợp, nhất là trong bối cảnh đội ngũ hoà giải viên thường xuyên biến động do nhiều nguyên nhân như tuổi cao, sức khỏe, điều kiện cá nhân dẫn đến nhu cầu bổ sung, thay thế diễn ra khá thường xuyên. Tại các địa bàn miền núi, biên giới, nơi điều kiện đi lại khó khăn, khoảng cách địa lý giữa các hộ dân rất xa, việc tổ chức họp hoặc phát phiếu và thu phiếu bầu hoặc bầu trực tuyến càng trở nên vất vả, tốn kém thời gian, công sức và không phù hợp với điều kiện thực tế địa bàn. Vì vậy, việc bổ sung quy định về chỉ định hoà giải viên trong những trường hợp nhất định, với điều kiện và thẩm quyền rõ ràng là cần thiết nhằm bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời trong tổ chức hoạt động hòa giải, đồng thời khắc phục tình trạng “đôi phó” về thủ tục đang tồn tại trong thực tiễn.

Bên cạnh đó, Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 đã quy định tương đối rõ về quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên. Tuy nhiên, trong thực tiễn triển khai, các quy định này bộc lộ một số hạn chế ảnh hưởng trực tiếp đến động lực, trách nhiệm và chất lượng hoạt động của đội ngũ hoà giải viên. Một số quyền quan trọng chưa được ghi nhận rõ như quyền mời người có uy tín tham gia hòa giải, quyền đề nghị cơ quan, tổ chức hỗ trợ chuyên môn pháp luật, được nhận quyết định công nhận kết quả hoà giải thành của Toà án nhân dân có thẩm quyền đối với các vụ, việc do mình trực tiếp hoà giải (nếu có), đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng Công an cấp xã có phương án bảo đảm an ninh trật tự khi tiến hành vụ việc hoà giải trong trường hợp nhận thấy mâu thuẫn, tranh chấp có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên, của hoà giải viên hoặc gây mất trật tự công cộng, được hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hoà giải... Quy định về nghĩa vụ của đội ngũ hoà giải viên còn chung chung, chưa bao quát đầy đủ và tản mát ở nhiều điều luật. Đáng chú ý, việc thiếu quy định nghĩa vụ cung cấp tài liệu làm cơ sở cho việc xét đơn yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành ngoài Tòa án trong trường hợp được Tòa án nhân dân có thẩm quyền yêu cầu theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng nghĩa với thiếu cơ chế gắn kết trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan Tòa án. Vấn đề này đã tạo ra “điểm nghẽn” trong quy trình công nhận kết quả hoà giải thành, làm giảm hiệu lực thi hành của các văn bản về kết quả hoà giải thành và ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Mặt khác, khi nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng, tập huấn của hoà giải viên chưa được luật hóa thành chế định bắt buộc, chất lượng nguồn nhân lực hoà giải viên sẽ dần không đáp ứng được yêu cầu của các loại hình tranh chấp mới phát sinh trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, gây lãng phí nguồn lực

đầu tư của Nhà nước và dần suy giảm niềm tin của Nhân dân vào thiết chế hòa giải ở cơ sở.

Thứ hai, phạm vi tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở chưa được quy định rõ ràng, cụ thể

Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 đã quy định cho phép mời người có trình độ, uy tín tham gia phối hợp trong công tác hòa giải ở cơ sở, song việc thiếu hụt các quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của nhóm đối tượng này đang tạo ra những rào cản lớn trong thực thi. Phạm vi, hình thức tham gia của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở chưa được quy định rõ nét, dẫn đến tình trạng lúng túng trong việc xác định phạm vi trách nhiệm, giới hạn tham gia cũng như các quyền lợi liên quan. Sự thiếu vắng cơ chế pháp lý này không chỉ khiến các hòa giải viên e ngại khi huy động nguồn lực bên ngoài tham gia hỗ trợ mà còn làm giảm trách nhiệm của người được mời, khiến vai trò của đối tượng này đôi khi chỉ mang tính hình thức. Việc chưa quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở đã làm hạn chế hiệu quả của việc huy động trí tuệ, kinh nghiệm của những người có kiến thức về pháp luật, kiến thức xã hội và những người có uy tín trong cộng đồng vào việc giải quyết các tranh chấp, mâu thuẫn tại cơ sở.

Vì vậy, cần phải làm rõ phạm vi tham gia và quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở để bảo đảm hòa giải viên nhận được sự hỗ trợ của người có uy tín, có kiến thức pháp luật, có kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực, có kiến thức xã hội, hiểu phong tục, tập quán địa phương... tham gia hoạt động hòa giải, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hòa giải ở cơ sở.

Thứ ba, về quy định yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành ở cơ sở

Với 85.855 tổ hòa giải và hơn 547.235 hòa giải viên trên cả nước, hằng năm các tổ hòa giải ở cơ sở đã tiến hành hòa giải hơn 127.411 vụ việc, tỷ lệ hòa giải thành đạt 81,92%¹³. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013, các bên không bắt buộc phải lập văn bản hoà giải thành trong trường hợp đạt được thỏa thuận¹⁴. Để thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, bên cạnh việc hòa giải viên theo dõi sát sao, khéo léo vận động để các bên tuân thủ kết quả hòa giải thì phần lớn là phụ thuộc vào ý thức, sự tự nguyện thực hiện thỏa thuận của các bên mâu thuẫn, tranh chấp. Nhiều khi một bên hoặc các bên mâu thuẫn, tranh chấp không thực sự có thiện chí, chấp nhận hòa giải thành nhưng không thực hiện đúng thỏa thuận hòa giải, những trường hợp này hòa giải viên hoặc tổ hòa giải rất khó tác động do không có cơ sở để đôn đốc các bên thực hiện thỏa thuận. Trên thực tế, nhiều vụ việc đã hòa giải thành, sau một thời gian các bên thực hiện không đúng thỏa thuận lại tái phát

¹³ Báo cáo số 301/BC-BTP ngày 04/5/2026 của Bộ Tư pháp về tổng kết việc thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

¹⁴ Khoản 2 Điều 24 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 quy định: “Các bên có thể thỏa thuận lập văn bản hòa giải thành gồm các nội dung chính sau đây:..”

sinh tranh chấp, mâu thuẫn giữa các bên theo hướng sâu sắc hơn, việc hòa giải lại khó đạt kết quả hơn, ảnh hưởng đến an ninh trật tự trong cộng đồng dân cư.

Mặc dù, việc yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án đã được quy định tại Chương XXXIII Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên, trên thực tế số lượng vụ, việc được các bên yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành còn thấp. Theo số liệu thống kê, từ năm 2017 đến năm 2024, có 170 đơn đề nghị Tòa án ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành và có 168 vụ, việc hòa giải thành ở cơ sở được Tòa án ra quyết định công nhận¹⁵. Nguyên nhân là Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013 chưa quy định cụ thể về nội dung đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở; về quyền yêu cầu công nhận của các bên tranh chấp, nghĩa vụ cung cấp thông tin của hòa giải viên (do Luật được ban hành trước Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015). Vì thế, nhiều người dân (thậm chí cả hòa giải viên) chưa biết đến quy định này để thực hiện sau khi hòa giải thành. Điều này đã dẫn đến tình trạng nhiều vụ việc dù đã hòa giải thành nhưng vẫn phát sinh tranh chấp mới hoặc phải khởi kiện lại từ đầu, gây lãng phí nguồn lực xã hội và làm giảm hiệu lực, hiệu quả của công tác hòa giải ở cơ sở.

Có thể khẳng định, việc xác định cụ thể cơ chế thực hiện trong Luật Hòa giải ở cơ sở về quyền, nghĩa vụ của các bên, hòa giải viên, quy định những nội dung chính của văn bản về kết quả hoà giải, quy định về hiệu lực thi hành của văn bản về kết quả hoà giải thành góp phần quan trọng trong phát huy vai trò, giá trị pháp lý của kết quả hòa giải thành, khẳng định vị trí, vai trò của hòa giải ở cơ sở như một phương thức giải quyết tranh chấp hiệu quả, đáng tin cậy. Việc này sẽ tạo cơ sở pháp lý để các bên nghiêm túc thực hiện thỏa thuận đã đạt được, đồng thời giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân có liên quan có căn cứ xem xét, hỗ trợ, công nhận hoặc bảo đảm thực hiện thỏa thuận hòa giải thành theo quy định của pháp luật.

Thứ tư, về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở

Ngày nay, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cách mạng 4.0), công nghệ thông tin đã phát triển vượt bậc, hầu hết các lĩnh vực trong xã hội đã sử dụng mạnh mẽ ứng dụng số. Tuy nhiên, lĩnh vực hòa giải ở cơ sở vẫn theo phương thức truyền thống. Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành chưa có quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong công tác hòa giải ở cơ sở như chưa quy định bầu hòa giải viên, thực hiện hoà giải bằng hình thức trực tuyến¹⁶ (hoà giải trên môi trường điện tử/không gian mạng), chưa quy định việc thực hiện lập văn bản về kết quả hoà giải điện tử, ký xác nhận bằng chữ ký điện tử, chưa quy định về Sổ theo dõi hoạt động hòa giải ở cơ

¹⁵ Báo cáo số 48/BC-BTP ngày 26/01/2024 của Bộ Tư pháp tổng kết thực hiện Chương trình phối hợp số 162/CTPH-TANDTC-BTP ngày 08/4/2019 về phổ biến giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở giữa Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp giai đoạn 2019 - 2023

¹⁶ Luật Hòa giải ở cơ sở quy định hòa giải được tiến hành trực tiếp, bằng lời nói với sự có mặt của các bên (khoản 1 Điều 21).

sở điện tử... Do đó, hòa giải cơ sở chủ yếu sử dụng hồ sơ giấy, thủ công, tốn kém chi phí in ấn, lưu trữ và nhân lực; gây khó khăn trong việc tổng hợp, báo cáo số liệu, làm giảm tính minh bạch và hiệu quả quản lý nhà nước. Bên cạnh đó, việc thực hiện hòa giải cơ sở theo phương thức truyền thống trong bối cảnh xã hội hiện đại, việc bắt buộc phải gặp mặt trực tiếp gây khó khăn cho những người có khoảng cách địa lý xa hoặc các bên có mâu thuẫn gay gắt không muốn đối diện trực tiếp...

Việc xây dựng và hoàn thiện nội dung nêu trên bảo đảm bám sát, thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng hệ thống pháp luật, sắp xếp tổ chức bộ máy và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 66-NQ/TW và Kết luận số 121-KL/TW. Trong đó, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ, chuyển đổi số được xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Việc đưa công nghệ số vào công tác hòa giải ở cơ sở không chỉ tạo thêm cơ chế lựa chọn linh hoạt cho các địa phương có đủ điều kiện hạ tầng, mà còn là giải pháp đột phá nhằm hiện đại hóa, tăng cường tính minh bạch và nâng cao hiệu quả công tác hòa giải trong tình hình mới.

Thứ năm, về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong công tác hoà giải ở cơ sở

Trong bối cảnh thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, để kịp thời đáp ứng yêu cầu thực tiễn, bảo đảm tính liên tục, thông suốt trong hoạt động của tổ chức bộ máy, ngày 11/6/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 120/2025/NĐ-CP về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp, theo đó, đã phân định thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp huyện trong công tác hoà giải ở cơ sở. Tuy nhiên, Nghị định này chỉ có hiệu lực đến ngày 28/02/2027.

Những vấn đề tồn tại, hạn chế từ tổ chức thi hành pháp luật nêu trên cần được nghiên cứu, có giải pháp quy phạm hóa trong Luật hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) để tạo hành lang pháp lý thúc đẩy công tác hòa giải ở cơ sở ngày càng hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và nhu cầu của xã hội.

Từ các cơ sở chính trị, pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc sửa đổi toàn diện Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 là hết sức cần thiết nhằm giải quyết những bất cập, hạn chế trong quy định hiện hành của Luật, phù hợp với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, tạo thuận lợi hơn cho cơ quan, tổ chức, cá nhân, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

1. Mục đích

Việc ban hành Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) nhằm tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về khuyến khích, phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài Toà án, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số; kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện và thống nhất nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hoà giải ở cơ sở, công tác quản lý nhà nước về hoà giải ở cơ sở, gắn công tác hoà giải ở cơ sở với phổ biến, giáo dục pháp luật nhằm phòng ngừa tranh chấp, tăng cường sự đồng thuận trong cộng đồng, nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật của người dân, góp phần thiết thực vào phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Quan điểm

a) Tiếp tục thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về khuyến khích, phát triển các thiết chế giải quyết tranh chấp ngoài toà án, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội; bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, hạn chế tối đa việc “hành chính hóa” trong hoạt động hoà giải ở cơ sở.

b) Kịp thời tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, toàn diện và thống nhất với các luật, nghị quyết có liên quan, nhất là các Luật, Nghị quyết được Quốc hội ban hành trong thời gian vừa qua; đồng thời, đáp ứng yêu cầu đổi mới tư duy xây dựng luật và yêu cầu, bối cảnh mới của đất nước.

c) Kế thừa, phát huy các quy định của Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 đã được chứng minh là phù hợp, có hiệu quả trong thực tiễn, bảo đảm tính khả thi trong điều kiện kinh tế - xã hội Việt Nam hiện nay; tham khảo có chọn lọc quy định pháp luật của một số quốc gia trên thế giới phù hợp với thực tiễn tình hình phát triển của Việt Nam và xu thế hội nhập quốc tế.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT

Dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) đã được Bộ Tư pháp xây dựng đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành, cụ thể như sau:

1. Tiến hành đánh giá việc thi hành và tổng hợp các vấn đề hạn chế, bất cập trong quá trình thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013.

2. Thành lập Tổ soạn thảo dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi)¹⁷.

¹⁷ Quyết định số 1209/QĐ-BTP ngày 07/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Xây dựng, ban hành Kế hoạch xây dựng dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi)¹⁸.

4. Tổ chức rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật.

5. Xây dựng dự thảo Tờ trình, dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi), bản so sánh dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) với Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013.

6. Tổ chức ...cuộc họp Tổ soạn thảo, hội nghị, hội thảo lấy ý kiến trực tiếp đối với hồ sơ dự án luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi).

7. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các Đoàn đại biểu Quốc hội, đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của dự án Luật; tổ chức lấy ý kiến Bộ, cơ quan ngang Bộ đối với những nội dung của dự án liên quan đến chức năng quản lý ngành, lĩnh vực của Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan¹⁹.

8. Lấy ý kiến phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cử đại diện tham gia cuộc họp phản biện xã hội²⁰.

9. Đăng tải hồ sơ dự án Luật trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp và Công Pháp luật quốc gia từ ngày / /2026 để các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia góp ý kiến.

10. Nghiên cứu tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự án Luật (có Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội).

11. Thực hiện đăng tải Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp từ ngày / /2026 theo quy định.

12. Bộ Tư pháp đã có Báo cáo số /BCTĐ-BTP ngày / /2026 thẩm định dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi). Trên cơ sở ý kiến thẩm định, Bộ Tư pháp đã nghiên cứu tiếp thu, chỉnh lý và hoàn thiện hồ sơ dự án Luật để trình Chính phủ xem xét, quyết định (Báo cáo số /BC-BTP ngày / /2026 về việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định kèm theo).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ ÁN LUẬT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

- Phạm vi điều chỉnh: Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) quy định nguyên tắc, chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên, tổ hòa giải, người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở; hoạt động hòa giải ở cơ sở; trách nhiệm của cơ quan,

¹⁸ Quyết định số 3004/QĐ-BTP ngày 09/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

¹⁹ Công văn số .../BTP-PB&TG ngày / /2026.

²⁰ Công văn số .../BTP-PB&TG ngày / /2026.

tổ chức trong hoạt động hòa giải ở cơ sở. Luật này không áp dụng đối với hoạt động hòa giải đã được luật khác quy định.

- Đối tượng áp dụng: Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong hoạt động hoà giải ở cơ sở.

2. Bộ cục của dự thảo Luật

Dự thảo Luật được kết cấu gồm 05 chương, 35 điều (tăng 02 điều so với Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013). Cụ thể:

- Chương I. Những quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 6) quy định về phạm vi điều chỉnh; giải thích từ ngữ; phạm vi hòa giải ở cơ sở; nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở; chính sách của Nhà nước về hòa giải ở cơ sở; hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.

- Chương II. Hòa giải viên, tổ hòa giải, người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở (từ Điều 7 đến Điều 20) quy định về tiêu chuẩn hòa giải viên, bầu, chỉ định, công nhận hòa giải viên, quyền, nghĩa vụ của hòa giải viên, thôi làm hòa giải viên; tổ hòa giải, trách nhiệm của tổ hòa giải, tổ trưởng tổ hòa giải, quyền và nghĩa vụ của tổ trưởng tổ hòa giải; người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở, quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hòa giải.

- Chương III. Hoạt động hòa giải ở cơ sở (từ Điều 21 đến Điều 30) quy định về căn cứ tiến hành hòa giải; quyền và nghĩa vụ của các bên trong hòa giải; phân công hòa giải viên; địa điểm, thời gian hòa giải; tiến hành hòa giải; hòa giải giữa các bên ở thôn, tổ dân phố khác nhau; kết thúc hòa giải; văn bản về kết quả hòa giải; thực hiện thỏa thuận hòa giải thành, công nhận văn bản về kết quả hòa giải thành; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện thỏa thuận hòa giải thành.

- Chương IV. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hòa giải ở cơ sở (từ Điều 31 đến Điều 33) quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở; trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp; trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Chương V. Điều khoản thi hành (từ Điều 34 đến Điều 35) quy định điều khoản chuyển tiếp, hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Luật

Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) kế thừa một số quy định còn phù hợp của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013²¹; đồng thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện nhiều quy định liên quan đến việc hình thành, lựa chọn đội ngũ hòa giải viên, quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên, người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở, ứng dụng công

²¹ Gồm: Phạm vi hòa giải ở cơ sở, tiêu chuẩn hòa giải viên, thôi làm hòa giải viên, tổ hòa giải, quyền và nghĩa vụ của tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải giữa các bên ở thôn, tổ dân phố khác nhau, hòa giải thành, hoà giải không thành, kết thúc hoà giải, trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận...

nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong công tác hòa giải ở cơ sở. Cụ thể:

a) Những nội dung sửa đổi, bổ sung, lược bỏ

(i) Những nội dung sửa đổi, bổ sung

- Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1): Sửa đổi phạm vi điều chỉnh theo hướng loại trừ “*Luật này không áp dụng đối với hoạt động hòa giải đã được luật khác quy định*”. Quy định này nhằm bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo hoặc khoảng trống pháp lý.

- Về nguyên tắc tổ chức, hoạt động hòa giải ở cơ sở (Điều 4): Sửa đổi nguyên tắc “*giữ bí mật thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình, bí mật kinh doanh của các bên, trừ trường hợp thông tin được cung cấp theo yêu cầu có điều kiện quy định tại Luật Tiếp cận tiếp cận thông tin*”; sửa đổi nguyên tắc “*không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để trốn tránh việc xử lý vi phạm hành chính, xử lý về hình sự*” thành “*Không lợi dụng hòa giải ở cơ sở để trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác hoặc xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác*”; bổ sung nguyên tắc “*phương thức hòa giải tiến hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm của từng vụ, việc*” và “*Tiếng nói và chữ viết dùng trong hòa giải ở cơ sở là Tiếng Việt. Các bên trong hòa giải có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; trường hợp này họ có trách nhiệm tự bố trí phiên dịch cho mình. Trong trường hợp không thể tự bố trí phiên dịch, các bên trong hoà giải có quyền đề nghị hòa giải viên đề xuất cơ quan có thẩm quyền hỗ trợ bố trí phiên dịch cho mình. Các bên trong hoà giải là người khuyết tật nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn có quyền dùng ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật; trường hợp này phải có người biết ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật để dịch lại và họ cũng được coi là người phiên dịch*”.

- Về hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở: Sửa đổi theo hướng chỉ quy định Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác hoà giải ở cơ sở mà không liệt kê cụ thể nội dung hỗ trợ. Nội dung hỗ trợ cụ thể giao cho Chính phủ quy định chi tiết.

- Bổ sung việc chỉ định hoà giải viên bên cạnh bầu hoà giải viên trong một số trường hợp nhất định tại Điều 9 nhằm bảo đảm kịp thời trong tổ chức hoạt động hòa giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, không làm ảnh hưởng đến nguyên tắc tự nguyện và quyền, lợi ích hợp pháp của các bên tham gia hòa giải. Theo đó, việc chỉ định hoà giải viên được thực hiện trong trường hợp tổ hòa giải không đủ số lượng hoà giải viên theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định và đáp ứng một trong các điều kiện sau đây: (i) Đã thực hiện việc bổ sung hoặc bầu lại hoà giải viên theo quy định nhưng vẫn không đạt đủ số lượng và thành phần theo quy định; (ii) Không thể tổ chức bầu hoà giải bằng một trong các hình thức theo quy định do cần bổ sung ngay hoà giải viên để đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Người được chỉ định làm hoà giải viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn của hoà giải viên và không thuộc trường hợp có dưới

50% đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố đồng ý tại cuộc họp bầu hoà giải viên... Chính phủ quy định chi tiết trình tự, thủ tục chỉ định hoà giải viên.

- Về quyền và nghĩa vụ của hoà giải viên:

Bổ sung một số quyền của hoà giải viên tại Điều 11 gồm: Được tập huấn kiến thức pháp luật, nghiệp vụ và kỹ năng hoà giải; mời người có uy tín, có kiến thức pháp luật, có kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực, có kiến thức xã hội để hỗ trợ cho hoạt động hoà giải; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có chuyên môn pháp luật liên quan đến vụ, việc hoà giải tư vấn, hỗ trợ vụ, việc hoà giải; được nhận quyết định công nhận kết quả hoà giải thành của Toà án nhân dân có thẩm quyền đối với các vụ, việc do mình trực tiếp hoà giải (nếu có); được đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, lực lượng Công an cấp xã có phương án bảo đảm an ninh trật tự khi tiến hành vụ, việc hoà giải trong trường hợp nhận thấy mâu thuẫn, tranh chấp có thể dẫn đến hành vi bạo lực gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của các bên, của hoà giải viên hoặc gây mất trật tự công cộng; được hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hoà giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hoà giải.

Bổ sung các nghĩa vụ của hoà giải viên tại Điều 12 gồm: Ghi vụ, việc hoà giải vào Sổ theo dõi hoạt động hoà giải ở cơ sở, lập văn bản về kết quả hoà giải sau khi kết thúc hoà giải, cung cấp tài liệu cho Tòa án trong trường hợp vụ, việc được yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hoà giải thành; theo dõi, đôn đốc các bên thực hiện văn bản về kết quả hoà giải thành và Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành của Tòa án nhân dân có thẩm quyền đối với các vụ, việc do mình trực tiếp hoà giải (nếu có); tham gia bồi dưỡng, tập huấn kiến thức và nghiệp vụ, kỹ năng hoà giải ở cơ sở *(đây vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của hoà giải viên để ràng buộc trách nhiệm của hoà giải viên trong việc cập nhật kiến thức, nâng cao kỹ năng hoà giải)*.

- Về trách nhiệm của tổ hoà giải: Bổ sung trách nhiệm của tổ hoà giải trong phối hợp với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trong hoạt động hoà giải ở cơ sở (Điều 15).

- Về người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở: Quy định rõ phạm vi tham gia, vai trò của người được mời tham gia hoà giải gồm: (i) Trực tiếp tham gia hoà giải vụ, việc cùng với hoà giải viên; (ii) Tư vấn, hỗ trợ kiến thức, phương pháp, kỹ năng hoà giải cho hoà giải viên (tư vấn nội dung pháp luật, kiến thức chuyên ngành trong các lĩnh vực, kiến thức xã hội, hỗ trợ tra cứu phong tục tập quán của từng vụ, việc hoà giải cụ thể...) (khoản 2 Điều 18). Đồng thời, bổ sung quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở (Điều 19 và Điều 20). Việc quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của người được mời tham gia hoà giải ở cơ sở sẽ góp phần động viên, khuyến khích và tăng cường trách nhiệm của nhóm đối tượng này. Người được mời trực tiếp tham gia hoà giải ở cơ sở được hưởng thù lao trong kinh phí chi thù lao theo vụ, việc khi tiến hành hoà giải theo quy định của pháp luật và được hỗ trợ, tạo điều kiện để khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hoà giải. Chính phủ quy định chi tiết về thù lao theo vụ, việc hoà giải và kinh phí hỗ trợ, tạo điều kiện để

khắc phục hậu quả nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải của người được mời tham gia trực tiếp tham gia hoà giải và các nội dung liên quan khác.

- Quy định về yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở: Bổ sung quy định của Nhà nước về việc khuyến khích các bên tham gia hoà giải ở cơ sở yêu cầu Toà án ra quyết định công nhận kết quả hoà giải thành (Khoản 5 Điều 5). Bổ sung quyền của các bên trong hoà giải về “Yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành”; “Yêu cầu hòa giải viên lập văn bản về kết quả hòa giải sau khi kết thúc hòa giải²²”. Việc yêu cầu công nhận kết quả hoà giải thành thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Bổ sung trách nhiệm của hòa giải viên trong việc theo dõi, đôn đốc Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành của Toà án nhân dân có thẩm quyền đối với các vụ, việc do mình trực tiếp hoà giải (nếu có). Quy định văn bản về kết quả hòa giải thành ngay sau khi các bên ký tên hoặc điểm chỉ, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc một trong các bên yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành; trường hợp một trong các bên yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành thì văn bản về kết quả hoà giải thành có hiệu lực thi hành kể từ khi Quyết định công nhận kết quả hoà giải thành của Toà án nhân dân có thẩm quyền có hiệu lực... Bổ sung nghĩa vụ của các bên trong việc ký tên hoặc điểm chỉ trong văn bản về kết quả hoà giải và thực hiện nghiêm túc thoả thuận hoà giải thành...

Việc bổ sung các quy định nêu trên nhằm thực hiện có hiệu quả chủ trương của Đảng và Nhà nước là tăng cường biện pháp hòa giải ngoài tố tụng; bảo đảm quyền được yêu cầu Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành ở cơ sở và bảo đảm tính thống nhất với Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bổ sung các quy định về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác hòa giải ở cơ sở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hỗ trợ nghiệp vụ của hòa giải viên, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công tác hòa giải. Theo đó, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động hoà giải ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo quy định của pháp luật. Quy định việc bầu hòa giải viên, bầu tổ trưởng tổ hoà giải có thể biểu quyết trực tuyến bảo đảm phù hợp với mức độ ứng dụng công nghệ thông tin và được người dân, hoà giải viên thống nhất lựa chọn; các bên trong hoà giải có quyền lựa chọn, đề xuất hình thức hoà giải, trong đó có hình thức hoà giải trực tuyến. Quy định quyền của hoà giải viên được hỗ trợ về hạ tầng kỹ thuật và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải và Ủy ban nhân dân cấp

²² Các bên có quyền yêu cầu hòa giải viên lập văn bản hòa giải thành hoặc hòa giải không thành để phục vụ cho mục đích của mỗi bên. Trường hợp đạt được thoả thuận thì văn bản về kết quả hòa giải thành là căn cứ để các bên thực hiện thoả thuận hòa giải thành và yêu cầu Toà án nhân dân có thẩm quyền công nhận kết quả hoà giải thành. Trường hợp không đạt được thoả thuận, văn bản về kết quả hòa giải không thành có thể là một trong những tài liệu để các bên sử dụng vào quá trình đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết vụ, việc.

xã có trách nhiệm hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đầu cuối và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải.

- Về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong hoạt động hòa giải ở cơ sở:

Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Biên soạn, phát hành tài liệu, tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng thực hiện công tác quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở cho cấp xã; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về hòa giải ở cơ sở tại địa phương; kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về hòa giải ở cơ sở.

Bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở tại địa phương; xây dựng dự toán kinh phí hỗ trợ cho hoạt động hòa giải ở cơ sở trên địa bàn cấp xã để Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định; tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên trên địa bàn; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam lồng ghép thực hiện pháp luật về hòa giải ở cơ sở trong xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố và hỗ trợ bố trí phiên dịch trong trường hợp các bên trong hoà giải không bố trí được phiên dịch cho mình trên cơ sở đề nghị của hoà giải viên; hỗ trợ tài liệu, phổ biến pháp luật phục vụ hoạt động hòa giải ở cơ sở cho người được mời tham gia hòa giải ở cơ sở; hỗ trợ hạ tầng kỹ thuật, thiết bị đầu cuối và hướng dẫn kỹ năng số khi thực hiện các hoạt động hòa giải trên môi trường mạng hoặc ứng dụng các nền tảng số trong quản lý hồ sơ hòa giải; chỉ đạo, tạo điều kiện cho tổ hoà giải, hoà giải viên thực hiện tốt công tác hoà giải ở cơ sở; chủ trì, phối hợp với Công an cấp xã bảo đảm an ninh trật tự khi tiến hành vụ, việc hoà giải trên cơ sở đề nghị của hoà giải viên theo quy định.

(ii) Những nội dung được lược bỏ

- Bỏ quy định “Ngân sách trung ương chi bổ sung cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách để hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở” để thống nhất với quy định tại Luật Ngân sách nhà nước (nhiệm vụ chi thuộc ngân sách cấp nào do ngân sách cấp đó bảo đảm²³).

- Bỏ quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) trong công tác hòa giải ở cơ sở nhằm thực hiện Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Các quy định của dự thảo Luật bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên như: Công

²³ Khoản 5 Điều 9 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.

ước quốc tế về quyền dân sự, chính trị (Công ước ICCPR), Công ước quốc tế về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Công ước ICESCR), Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (Công ước ICERD), Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (Công ước CRPD), Công ước quốc tế về quyền trẻ em (Công ước UNCRC).

c) Về phân quyền, phân cấp

Việc phân quyền, phân cấp trong dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) được xác định là một nội dung quan trọng, nhằm cụ thể hóa chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm soát quyền lực, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, đồng thời bảo đảm tính chủ động, linh hoạt của chính quyền cơ sở trong tổ chức và thực hiện công tác hòa giải.

Dự thảo Luật phân định rõ ràng giữa chức năng quản lý, hướng dẫn (cấp tỉnh) và chức năng tổ chức thực hiện (cấp xã), hạn chế sự chồng chéo, trùng lặp. Cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn, phù hợp với vị trí là cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trực tiếp của cấp xã, có điều kiện về nguồn lực, chuyên môn và khả năng điều phối chung trong phạm vi toàn tỉnh. Cấp xã là cấp chính quyền trực tiếp triển khai và bảo đảm hoạt động hòa giải ở cơ sở, được phân cấp thực hiện các nhiệm vụ mang tính tác nghiệp và gắn với thực tiễn địa bàn, như: (i) Quyết định số lượng và thành lập tổ hòa giải; công nhận, kiện toàn, cho thôi hòa giải viên; (ii) Quản lý, theo dõi, thống kê hoạt động của tổ hòa giải; (iii) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ; (iv) Bảo đảm điều kiện hoạt động cho tổ hòa giải và hòa giải viên theo quy định. Việc phân cấp cho cấp xã các nhiệm vụ nêu trên là phù hợp với nguyên tắc quản lý theo địa bàn, bảo đảm tính kịp thời, linh hoạt, sát thực tế và phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư. Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) đã được thiết kế theo hướng rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu cải cách tổ chức bộ máy và quản lý nhà nước hiện nay, bảo đảm các yêu cầu gồm: (i) Không trùng lặp về nội dung giữa các cấp; (ii) Phân định rành mạch giữa quản lý nhà nước và tổ chức thực hiện; (iii) Gắn phân quyền, phân cấp với cơ chế bảo đảm nguồn lực và kiểm soát quyền lực. Việc hoàn thiện các quy định này sẽ góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hòa giải ở cơ sở, đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn mới.

d) Về bảo đảm quốc phòng, an ninh

Các quy định của dự thảo Luật bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh. Các quy định tại dự thảo Luật tác động đến công tác hòa giải, giữ gìn đoàn kết cộng đồng, góp phần hỗ trợ bảo đảm an ninh, trật tự ở cơ sở. Một số quy định của Luật được rà soát để hoàn thiện, kế thừa để bảo đảm nguyên tắc tổ chức và hoạt động hòa giải không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng (điểm a khoản 1 Điều 3; khoản 4 Điều 4).

đ) Về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Theo quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013, có 05 thủ tục hành chính (TTHC) trong lĩnh vực hòa giải ở cơ sở²⁴. Các quy định của dự thảo Luật không làm phát sinh thủ tục hành chính mới, chỉ mở rộng hình thức lựa chọn hòa giải viên (hình thức công nhận hoặc chỉ định tại thủ tục công nhận hòa giải viên), bổ sung thêm đối tượng thụ hưởng (người được mời trực tiếp tham gia hòa giải) tại thủ tục thanh toán thù lao và hỗ trợ khi gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải. Các quy định về 05 TTHC thuộc lĩnh vực hòa giải ở cơ sở được quy định ở dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) theo hướng chỉ quy định “những vấn đề khung”, “những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội”; các quy định cụ thể, chi tiết thuộc thẩm quyền của Chính phủ và các Bộ, ngành sẽ được quy định tại các văn bản dưới Luật để “đảm bảo linh hoạt, phù hợp với thực tiễn”, theo đó các quy định trong Luật Hòa giải ở cơ sở chỉ nêu tên TTHC hoặc thẩm quyền thực hiện TTHC mà không quy định chi tiết trình tự, thủ tục thực hiện các TTHC này.

Dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) có quy định riêng về ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Theo đó, quy định nội dung về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động hòa giải ở cơ sở được quy định tại khoản 4 Điều 5 dự thảo Luật. Theo đó, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động hòa giải ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, trong dự thảo Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) cũng bổ sung nhiều quy định ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số: bổ sung hình thức hoà giải trực tuyến tại Điều 25 dự thảo Luật, bổ sung quy định về việc biểu quyết bằng hình thức trực tuyến trong bầu hoà giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải tại Điều 8 và Điều 16 dự thảo Luật. Các quy định này đã bảo đảm sự thuận lợi cho các địa phương trong việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

e) Việc bảo đảm bình đẳng giới và chính sách dân tộc.

Dự thảo Luật được xây dựng trên cơ sở thực hiện nguyên tắc bình đẳng giới. Theo đó, dự thảo Luật kế thừa các quy định về nguyên tắc “*Bảo đảm bình đẳng giới trong tổ chức và hoạt động hòa giải ở cơ sở*” (khoản 5 Điều 4), quy định về thành phần tham gia tổ hòa giải phải có ít nhất 01 thành viên là nữ (Điều 14). Ngoài ra, trong toàn bộ dự thảo Luật, các quy định về cơ cấu tổ chức của tổ hòa giải bao gồm

²⁴ Thủ tục công nhận hòa giải viên; thủ tục thôi làm hòa giải viên; thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải; thủ tục thanh toán thù lao của hòa giải viên; thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải

tiêu chuẩn, phương thức bầu hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải, quyền và nghĩa vụ của hòa giải viên, tổ trưởng tổ hòa giải, thành phần tổ hòa giải ở cơ sở đều được xây dựng trên nguyên tắc không phân biệt đối xử giữa nam và nữ, bảo đảm bình đẳng giới. Những quy định này góp phần bảo đảm các bên tham gia hòa giải được đối xử bình đẳng, tôn trọng và không bị phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong suốt quá trình hòa giải.

Dự thảo Luật cơ bản bảo đảm phù hợp với nguyên tắc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp đỡ nhau cùng phát triển giữa các dân tộc theo tinh thần của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều 4 dự thảo Luật nhấn mạnh nguyên tắc hòa giải phải tôn trọng phong tục, tập quán tốt đẹp của các dân tộc, phù hợp với chính sách dân tộc và pháp luật của Nhà nước. Điều 14 dự thảo Luật tiếp tục kế thừa quy định tổ hòa giải tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải có hòa giải viên là người dân tộc thiểu số. Đồng thời tại Điều 25 dự thảo Luật về tiến hành hòa giải cũng quy định *“Tùy thuộc vào vụ, việc cụ thể, trên cơ sở quy định của pháp luật, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán tốt đẹp của nhân dân, hòa giải viên áp dụng các biện pháp thích hợp nhằm giúp các bên hiểu rõ về quyền lợi, trách nhiệm của mỗi bên trong vụ, việc để các bên thỏa thuận việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp và tự nguyện thực hiện thỏa thuận đó”*. Các quy định trong dự thảo Luật đã thể hiện sự lồng ghép chính sách dân tộc một cách phù hợp, không tách biệt thành cơ chế riêng nhưng bảo đảm tính bao trùm, bình đẳng và tôn trọng đặc thù văn hóa, qua đó bảo đảm các nguyên tắc chính sách dân tộc được thực hiện thực chất, hiệu quả trong thực tiễn.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN, THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Về nguồn lực, điều kiện bảo đảm

a) Về nhân lực

Hiện nay đã hình thành và duy trì ổn định tổ chức bộ máy, biên chế để tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở từ trung ương đến địa phương. Các cơ quan, tổ chức ở trung ương và địa phương được phân công quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở như Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, cơ quan chuyên môn cấp xã và các bộ, cơ quan ngang bộ, sở, ban, ngành liên quan đã bố trí, phân công đầu mối, công chức tham mưu. Theo đó, việc thực hiện các quy định của Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi) không làm phát sinh nguồn nhân lực về tổ chức bộ máy và biên chế, sử dụng nguồn nhân lực hiện có để triển khai thi hành. Tuy nhiên, với yêu cầu đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, cấp xã được giao thêm nhiệm vụ, khối lượng công việc gia tăng, để thực hiện trách nhiệm, cần tăng cường năng lực cho nguồn nhân lực, đặc biệt là năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý hòa giải ở cơ sở.

b) Kinh phí, cơ sở vật chất, các điều kiện bảo đảm thi hành Luật

Các cơ quan, tổ chức đã được phân công và trang bị trang thiết bị để đảm bảo cơ sở vật chất, nền tảng quản lý và các trang thiết bị khác bảo đảm việc thực thi. Việc bố trí, sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật. Sau khi Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) được ban hành, dự kiến một số hoạt động cơ bản cần bố trí kinh phí để triển khai trong thực tiễn gồm:

- Xây dựng các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật.
- Xây dựng Kế hoạch triển khai và tổ chức các hoạt động triển khai thi hành Luật.
- Thông tin, truyền thông, phổ biến Luật sau khi ban hành.
- Kinh phí tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng hòa giải cho hòa giải viên.
- Kinh phí hỗ trợ người được mời tham gia hòa giải nếu gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi tham gia trực tiếp vụ, việc hòa giải; chi phí phiên dịch (nếu có).
- Kinh phí nâng cấp, quản lý công/trang thông tin điện tử, số hóa tài liệu, bố trí trang thiết bị, phương tiện thực hiện quản lý công tác hòa giải ở cơ sở trên môi trường điện tử; kinh phí tập huấn, bồi dưỡng, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho công chức tham mưu quản lý nhà nước về hòa giải ở cơ sở, hòa giải viên. Việc bố trí, sử dụng kinh phí cho các hoạt động này được kết hợp với quá trình triển khai thực hiện các quy định pháp luật có liên quan (pháp luật về dữ liệu; lưu trữ; ứng dụng công nghệ thông tin; khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo...).

3. Thời gian trình thông qua

Theo Nghị quyết số 105/2025/UBTVQH15 ngày 26/9/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2026: Dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội khóa XVI (tháng 10/2026)²⁵.

Trên đây là Tờ trình dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi), Bộ Tư pháp xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi); (2) Báo cáo tổng kết việc thi hành Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; (3) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi); (4) Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân quyền, phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc trong dự án Luật; (5) Bản so sánh dự thảo Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi) với Luật Hoà giải ở cơ sở năm 2013; (6) Bản tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, phản biện xã hội đối với hồ sơ dự án Luật Hoà giải ở cơ sở (sửa đổi); (7) Báo cáo thẩm định hồ sơ dự án Luật

²⁵ Dự kiến trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội vào tháng 8/2026.

Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi); (8) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định hồ sơ dự án Luật Hòa giải ở cơ sở (sửa đổi); (9) Các báo cáo, tài liệu liên quan khác./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các Phó TTg CP (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để phối hợp);
- Lưu: VT, PB&TG.

BỘ TRƯỞNG

Hoàng Thanh Tùng